

Số: 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011-2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013;

Căn cứ Nghị định số 74/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011-2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ.

Điều 1. Sửa đổi tên gọi Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011-

2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ

Sửa đổi tên gọi Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011-2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ (sau đây gọi chung là Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BLĐTBXH-BQP) thành “Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội”.

Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội sau đây gọi chung là Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BLĐTBXH-BQP

1. Sửa đổi Điều 3 về xếp lương và phụ cấp lương như sau:

“Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và người lao động của Tập đoàn Viễn thông Quân đội được xếp lương, phụ cấp lương như sau:

1. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên (sau đây gọi chung là viên chức quản lý), người lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thực hiện xếp lương, phụ cấp lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang (sau đây gọi là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Công nhân viên quốc phòng, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, thực hiện xếp lương, phụ cấp lương theo thang lương, bảng lương, phụ cấp lương do Tập đoàn Viễn thông Quân đội xây dựng theo quy định tại Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương (sau đây gọi là Nghị định số 49/2013/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn thực hiện.”.

2. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 về đơn giá tiền lương như sau:

“1. Đơn giá tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội được giao ổn định trong hai năm 2014 và 2015 là 200 đồng/1.000 đồng tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương.

Việc xác định chỉ tiêu tổng doanh thu, tổng chi phí chưa có lương thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.”.

3. Sửa đổi Điểm c Khoản 2 Điều 4 về mức tăng (theo tỷ lệ %) tiền lương bình quân phải thấp hơn mức tăng (theo tỷ lệ %) năng suất lao động bình quân như sau:

“c. Mức tăng (theo tỷ lệ %) tiền lương bình quân phải thấp hơn mức tăng (theo tỷ lệ %) năng suất lao động bình quân.

Tiền lương bình quân, năng suất lao động bình quân, mức tăng tiền lương bình quân, mức tăng năng suất lao động bình quân được xác định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”.

4. Sửa đổi Khoản 2 Điều 5 về xác định quỹ tiền lương thực hiện hàng năm như sau:

“Quỹ tiền lương thực hiện hàng năm được xác định căn cứ chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương thực hiện, năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện của Tập đoàn Viễn thông Quân đội như sau:

a) Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương được tính theo công thức:

$$V_{thdg} = V_{dgd} \times C_{th} \quad (2)$$

Trong đó:

V_{thdg} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương.

V_{dgd} : Đơn giá tiền lương được giao ổn định theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

C_{th} : Chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương thực hiện.

b) Điều chỉnh quỹ tiền lương thực hiện theo lợi nhuận và năng suất lao động:

- Trường hợp 1: Khi lợi nhuận thực hiện và năng suất lao động bình quân thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch và năng suất lao động bình quân kế hoạch thì quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương được tính theo công thức (2).

- Trường hợp 2: Khi lợi nhuận thực hiện và năng suất lao động bình quân thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch và năng suất lao động bình quân kế hoạch thì quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương được điều chỉnh theo công thức:

$$V_{thdgc} = V_{thdg} - V_p - V_w \quad (3)$$

Trong đó:

+ $V_{thđđc}$: Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương sau khi điều chỉnh.

+ $V_{thđg}$: Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương tính theo công thức (2).

+ V_p : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận, tính theo một trong hai cách sau:

Cách 1: Điều chỉnh quỹ tiền lương theo mức tuyệt đối, tương ứng với số lợi nhuận giảm, tính theo công thức:

$$V_p = P_{kh} - P_{th} \quad (4)$$

Trong đó:

V_p : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận.

P_{kh} : Lợi nhuận kế hoạch ứng với đơn giá tiền lương theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

P_{th} : Lợi nhuận thực hiện.

Cách 2: Điều chỉnh quỹ tiền lương theo mức tương đối, tính theo công thức:

$$V_p = [(V_{thđg} - V_{cd}) \times (1 - \frac{P_{th}}{P_{kh}})] \times 0,5 \quad (5)$$

Trong đó:

V_p : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận.

$V_{thđg}$: Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương tính theo công thức (2).

V_{cd} : Quỹ tiền lương chế độ được tính theo công thức:

$$V_{cd} = V_{cdsq} + V_{cdld} \quad (6)$$

Trong đó:

V_{cdsq} : Quỹ tiền lương chế độ của viên chức quản lý và người lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp được xác định bằng số viên chức quản lý và người lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thực tế sử dụng bình quân

nhân với hệ số lương, phụ cấp bình quân theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và mức lương cơ sở do Chính phủ quy định.

V_{cdld} : Quỹ tiền lương chế độ của công nhân viên quốc phòng, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được xác định bằng số công nhân viên quốc phòng, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động thực tế sử dụng bình quân nhân với tiền lương theo hợp đồng lao động bình quân.

P_{kh} : Lợi nhuận kế hoạch ứng với đơn giá tiền lương theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

P_{th} : Lợi nhuận thực hiện.

+ V_w : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo năng suất lao động (áp dụng đối với trường hợp sau khi điều chỉnh quỹ tiền lương thực hiện theo lợi nhuận theo công thức (4) hoặc công thức (5) mà năng suất lao động bình quân thực hiện thấp hơn năng suất lao động bình quân kế hoạch) tính theo công thức sau:

$$V_w = (V_{thdg} - V_p) \times \left(1 - \frac{W_{th}}{W_{kh}}\right) \quad (7)$$

Trong đó:

V_{thdg} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương tính theo công thức (2).

V_p : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận, tính theo công thức (4) hoặc công thức (5).

W_{th} , W_{kh} : Năng suất lao động bình quân thực hiện và năng suất lao động bình quân kế hoạch được xác định theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

- Trường hợp 3: Khi năng suất lao động bình quân thực hiện thấp hơn năng suất lao động bình quân kế hoạch và lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch thì quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương được điều chỉnh theo công thức:

$$V_{thdgc} = V_{thdg} - V_w \quad (8)$$

Trong đó:

+ V_{thdgc} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương sau khi điều chỉnh.

+ V_{thdg} : Quỹ tiền lương thực hiện.

+ V_w : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo năng suất lao động, tính theo công thức:

$$V_w = V_{thdg} \times \left(1 - \frac{W_{th}}{W_{kh}}\right) \quad (9)$$

Trong đó:

V_{thdg} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương tính theo công thức (2).

W_{th} , W_{kh} : Năng suất lao động bình quân thực hiện và năng suất lao động bình quân kế hoạch, được xác định theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

- Trường hợp 4: Khi lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch và năng suất lao động bình quân thực hiện bằng hoặc cao hơn năng suất lao động bình quân kế hoạch thì phải điều chỉnh quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương theo công thức sau:

$$V_{thdgc} = V_{thdg} - V_p \quad (10)$$

Trong đó:

+ V_{thdgc} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương sau khi điều chỉnh.

+ V_{thdg} : Quỹ tiền lương thực hiện.

+ V_p : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận, tính theo công thức (4) hoặc công thức (5).

Quỹ tiền lương thực hiện sau khi điều chỉnh theo lợi nhuận và năng suất lao động theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này không được thấp hơn quỹ tiền lương chế độ. Trường hợp, khi xác định quỹ tiền lương thực hiện, đối với người lao động có mức lương chế độ (tính trên cơ sở hệ số lương, phụ cấp lương được xếp theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP nhân với mức lương cơ sở hoặc tiền lương theo hợp đồng lao động bình quân) thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định thì phần chênh lệch giữa mức lương chế độ của những người này và mức lương tối thiểu vùng được tính bổ sung vào quỹ tiền lương thực hiện.

- Trường hợp 5: Khi không có lợi nhuận hoặc lỗ thì quỹ tiền lương thực hiện được xác định bằng quỹ tiền lương chế độ theo công thức (6) Điểm b Khoản 2 Điều này.”.

5. Sửa đổi Điểm c và bổ sung điểm d Khoản 1 Điều 8 về trách nhiệm của Tập đoàn Viễn thông Quân đội như sau:

“c) Triển khai xây dựng, ban hành thang lương, bảng lương và phụ cấp lương theo nguyên tắc xây dựng thang lương, bảng lương quy định tại Nghị định

số 49/2013/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thực hiện để áp dụng trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

d) Thực hiện tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện thí điểm quản lý tiền lương của Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011-2015 theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 74/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 8 về trách nhiệm của Bộ Quốc phòng như sau:

“a) Có ý kiến về kế hoạch lao động, thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và quy chế trả lương để Tập đoàn Viễn thông Quân đội thực hiện.

b) Lấy ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về thang lương, bảng lương, phụ cấp lương trước khi có ý kiến với Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh đơn giá tiền lương quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này theo đề nghị của Tập đoàn Viễn thông Quân đội khi Nhà nước thay đổi chính sách tiền lương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

d) Thực hiện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011-2015 theo quy định của pháp luật trong quý III năm 2015.”.

7. Sửa đổi Điểm d Khoản 3 Điều 8 về trách nhiệm của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội như sau:

“d) Tổng kết đánh giá việc thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011-2015, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2015.”.

8. Sửa đổi Khoản 2 Điều 9 về hiệu lực thi hành như sau:

“2. Các quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.”.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

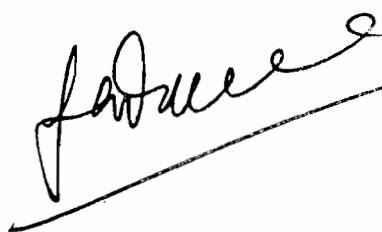
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

2. Các quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng để được hướng dẫn, bổ sung kịp thời./

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG**

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Hữu Đức



Phạm Minh Huân

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Website của Bộ LĐTBXH, Bộ QP;
- Lưu VT: Bộ LĐTBXH, Bộ Quốc phòng.

Phụ lục

Năng suất lao động bình quân, tiền lương bình quân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP

ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng)

I. Xác định năng suất lao động bình quân

1. Xác định số lao động

a) Số lao động là số người làm việc trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội, bao gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên, người lao động là sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

b) Số lao động kế hoạch được xác định trên cơ sở kế hoạch, chiến lược sản xuất, kinh doanh, tình hình sử dụng lao động năm trước và các vị trí, chức danh công việc, định mức lao động của năm kế hoạch do Tập đoàn Viễn thông Quân đội quyết định.

c) Số lao động thực tế sử dụng bình quân thực hiện của năm trước liền kề hoặc thực hiện trong năm kế hoạch

- Số lao động thực tế sử dụng bình quân năm được tính theo công thức sau:

$$L_{\text{ttsd}} = \frac{\sum_{i=1}^t l_i}{t} \quad (11)$$

Trong đó:

+ L_{ttsd} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân năm.

+ l_i : Số lao động thực tế sử dụng bình quân của tháng thứ i trong năm.

+ i : Số nguyên, dương dùng để chỉ tháng thứ i trong năm, từ 1 đến 12.

+ $\sum_{i=1}^t l_i$: Tổng của số lao động bình quân các tháng trong năm.

+ t : Số tháng trong năm.

- Số lao động thực tế sử dụng bình quân tháng được tính theo công thức sau:

$$L_{\text{tsdi}} = \frac{\sum_{j=1}^n X_j}{n} \quad (12)$$

Trong đó:

+ L_{tsdi} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân của tháng thứ i trong năm.

+ X_j : Số lao động của ngày thứ j trong tháng, được tính theo số lao động thực tế làm việc và số lao động nghỉ việc do: ốm, thai sản, con ốm mẹ nghỉ, tai nạn lao động, phép năm, đi học, nghỉ việc riêng có lương theo bảng chấm công của Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

+ $\sum_{j=1}^n X_j$: Tổng của số lao động các ngày trong tháng.

+ n : Số ngày làm việc của tháng (không kể Tập đoàn Viễn thông Quân đội có làm đủ hay không đủ số ngày trong tháng);

- Đối với số lao động bình quân năm là số thập phân thì việc làm tròn số được áp dụng theo nguyên tắc số học, nếu phần thập phân trên 0,5 thì làm tròn thành 1; đối với số lao động bình quân tháng có số thập phân thì được giữ nguyên sau dấu phẩy hai số và không làm tròn số.

2. Xác định năng suất lao động

a) Năng suất lao động bình quân kế hoạch của năm kế hoạch, được tính theo công thức:

$$W_{\text{kh}} = \frac{\sum T_{\text{kh}} - \sum C_{\text{kh}}}{L_{\text{kh}}} \quad (13)$$

Trong đó:

+ W_{kh} : năng suất lao động bình quân kế hoạch của năm kế hoạch;

+ $\sum T_{\text{kh}}$: Tổng doanh thu năm kế hoạch;

+ $\sum C_{\text{kh}}$: Tổng chi phí (chưa có lương) năm kế hoạch;

+ L_{kh} : Số lao động kế hoạch được xác định theo điểm b khoản 1 mục I Phụ lục này.

b) Năng suất lao động bình quân thực hiện của năm trước liền kề, được tính theo công thức:

$$W_{\text{thnt}} = \frac{\sum T_{\text{thnt}} - \sum C_{\text{thnt}}}{L_{\text{tsdnt}}} \quad (14)$$

Trong đó:

- + W_{thnt} : năng suất lao động bình quân thực hiện của năm trước liền kề;
- + ΣT_{thnt} : Tổng doanh thu thực hiện năm trước liền kề
- + ΣC_{thnt} : Tổng chi phí (chưa có lương) thực hiện năm trước liền kề;
- + L_{ttsdnt} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân của năm trước liền kề được xác định theo công thức (11).

c) Năng suất lao động bình quân thực hiện của năm kế hoạch, được tính theo công thức sau:

$$W_{th} = \frac{\Sigma T_{th} - \Sigma C_{th}}{L_{ttsd}} \quad (15)$$

Trong đó:

- + W_{th} : năng suất lao động bình quân thực hiện của năm kế hoạch;
- + ΣT_{th} : Tổng doanh thu thực hiện của năm kế hoạch;
- + ΣC_{th} : Tổng chi phí (chưa có lương) thực hiện của năm kế hoạch;
- + L_{ttsd} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân của năm kế hoạch được xác định theo công thức số (11).

3. Xác định mức tăng năng suất lao động bình quân

a) Mức tăng năng suất lao động bình quân kế hoạch so với thực hiện của năm trước liền kề được tính theo công thức sau:

$$I_{wkh} = \left(\frac{W_{kh}}{W_{thnt}} \times 100\% \right) - 100\% \quad (16)$$

Trong đó:

- + I_w : Mức tăng năng suất lao động bình quân (%)
- + W_{kh} : Năng suất lao động bình quân kế hoạch được xác định theo công thức (13).
- + W_{thnt} : Năng suất lao động bình quân thực hiện của năm trước liền kề xác định theo công thức (14).

b) Mức tăng năng suất lao động bình quân thực hiện của năm kế hoạch so với kế hoạch được tính theo công thức sau:

$$I_{wth} = \left(\frac{W_{th}}{W_{kh}} \times 100\% \right) - 100\% \quad (17)$$

Trong đó:

- + I_{wth} : Mức tăng năng suất lao động bình quân thực hiện (%).
- + W_{kh} : Năng suất lao động bình quân kế hoạch được xác định theo công thức (13).
- + W_{th} : Năng suất lao động bình quân thực hiện của năm kế hoạch được xác định theo công thức (15).

II. Tiền lương bình quân

1. Xác định tiền lương bình quân kế hoạch

Tiền lương bình quân kế hoạch được xác định theo công thức sau:

$$TL_{bqkh} = \frac{V_{kh}}{L_{kh} \times 12} \quad (18)$$

Trong đó:

- TL_{bqkh} : Tiền lương bình quân kế hoạch của năm kế hoạch (đồng/người/tháng).
- V_{kh} : Quỹ tiền lương theo đơn giá tiền lương của năm kế hoạch.
- L_{kh} : Số lao động kế hoạch được xác định theo điểm b khoản 1 mục I Phụ lục này.
- 12: Số tháng trong năm.

2. Xác định tiền lương bình quân thực hiện

a) Tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề được xác định theo công thức sau:

$$TL_{bqthnt} = \frac{V_{thnt}}{L_{ttsdnt} \times 12} \quad (19)$$

Trong đó:

- TL_{bqthnt} : Tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề (đồng/người/tháng).
- V_{thnt} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương của năm trước liền kề;
- L_{ttsdnt} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân theo tháng của năm trước liền kề được tính theo công thức (11).
- 12: Số tháng trong năm.

b) Tiền lương bình quân thực hiện của năm kế hoạch được xác định theo công thức sau:

$$TL_{bqth} = \frac{V_{th}}{L_{ttsd} \times 12} \quad (20)$$

Trong đó:

- TL_{bqth} : Tiền lương bình quân thực hiện trong năm kế hoạch (đồng/người/tháng).
- V_{th} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương của năm kế hoạch.
- L_{ttsd} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân theo tháng của năm kế hoạch được xác định theo công thức (11).
- 12: Số tháng trong năm.

3. Xác định mức tăng tiền lương bình quân kế hoạch trong năm so với thực hiện của năm trước liền kề theo công thức sau:

$$I_{tlkh} = \left(\frac{TL_{bqkh}}{TL_{bqthnt}} \times 100\% \right) - 100\% \quad (21)$$

Trong đó:

- I_{tlkh} : Mức tăng tiền lương bình quân kế hoạch (%);
- TL_{bqkh} : Tiền lương bình quân kế hoạch trong năm kế hoạch được xác định theo công thức (18);
- TL_{bqthnt} : Tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề được xác định theo công thức (19).

3. Xác định mức tăng tiền lương bình quân thực hiện so với kế hoạch được xác định theo công thức sau:

$$I_{tlth} = \left(\frac{TL_{bqth}}{TL_{bqkh}} \times 100\% \right) - 100\% \quad (22)$$

Trong đó:

- I_{tl} : Mức tăng tiền lương bình quân (%);
- TL_{bqkh} : Tiền lương bình quân kế hoạch của năm kế hoạch được xác định theo công thức (18);
- TL_{bqth} : Tiền lương bình quân thực hiện của năm kế hoạch được xác định theo công thức (20).